

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DSST
Ngày 30 tháng 01 năm 2018
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn D Sơn

Ông Phạm Quang Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:* Ông Nguyễn Xuân Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DSST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2018/QĐPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn D: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1963 (có mặt);

Đều có địa chỉ cư trú: Thôn X, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ2, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. *Người kháng cáo:* ông Phạm Văn Đ2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2017 của anh Nguyễn Văn D và các lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của anh D, ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:

Anh Nguyễn Văn D có kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại thôn X, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc. Gia đình ông Phạm Văn Đ2 có nhu cầu muốn mua thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nên ông Đ2 có đến cửa hàng của

anh đặt vấn đề mua cám về chăn nuôi với số lượng lớn và thường xuyên. Hai bên thỏa thuận bằng miệng về giá cả, số lượng, phương thức thanh toán và giao hàng. Ngày 12/11/2015, anh D và ông Đ2 bắt đầu thực hiện giao dịch mua bán, khi anh giao hàng cho ông Đ2, nếu ông Đ2 trả tiền luôn thì anh D không ghi sổ, còn nếu ông Đ2 nợ lại thì anh D ghi vào sổ, thể hiện ngày tháng giao hàng, số lượng cám, mã số bao cám, giá thành của từng loại cám, số tiền ông Đ2 phải trả và ông Đ2 ký vào sổ của anh. Hai bên nhiều lần giao hàng và trả tiền tính đến ngày 21/3/2016 ông Phạm Văn Đ2 còn nợ của anh Nguyễn Văn D số tiền là 37.220.000 đồng. Trong thời gian anh D mang cám bán cho ông Đ2, có lần ông Đ2 yêu cầu anh đổi cám cho ông do cám kém chất lượng, anh đã chở cám về và mang đổi cám khác cho ông Đ2, việc ông Đ2 cho rằng cám kém chất lượng gây chết đàn lợn của ông nhưng ông Đ2 không cho anh xem lợn của ông bị chết do ăn cám, vì vậy việc ông Đ2 nói cám kém chất lượng gây chết lợn là không có căn cứ. Sau đó ông Đ2 không lấy cám và cũng không thanh toán số tiền còn nợ cho anh D nhiều lần anh D yêu cầu ông Đ2 phải thanh toán cho anh số tiền nợ nhưng ông Đ2 không trả. Nay anh D yêu cầu ông Phạm Văn Đ2 phải trả cho anh số tiền 37.220.000 đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn Đ2 trình bày: Ông và anh Nguyễn Văn D có thỏa thuận bằng miệng về việc mua bán cám với số lượng lớn để chăn nuôi. Khoảng cuối năm 2015 anh D đã mang cám đến bán cho gia đình ông nhiều lần. Quá trình hai bên mua bán, giao hàng, ông đã trả tiền đầy đủ và không có lần nào ký vào sổ nợ của anh D. Vào khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2016 gia đình ông tiếp tục mua cám của anh Nguyễn Văn D với số lượng lớn nhưng chất lượng cám không tốt (gây chết đàn lợn của gia đình) nên ông đã trả lại số cám đã mua, anh D đã đổi cám khác cho ông và ông đã trả tiền. Đối với chữ ký Đ2 trong sổ của anh D không phải là chữ ký của ông, ông không có lần nào ký vào sổ của anh D, ông không đề nghị đi giám định chữ ký. Ông xác định không nợ anh D số tiền 37.220.000 đồng nên ông không phải trả cho anh D số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DSST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T1 đã quyết định: Áp dụng Điều 430, 433, 435, 436, 440; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 161 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Phạm Văn Đ2 phải trả cho anh Nguyễn Văn D 37.220.000đ (Ba mươi bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Chi phí giám định: Ông Phạm Văn Đ2 phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo phiếu thu quyền số 04448 ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát để trả cho ông Nguyễn Văn Đ1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Đ2 phải nộp 1.861.000đ (Một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng). Trả lại cho anh Nguyễn Văn D 931.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000492 ngày 02 tháng 3 năm 2017.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 10 năm 2017 ông Phạm Văn Đ2 kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đ2 làm trong hạn luật định hợp lệ được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu trong hồ sơ xác định từ khoảng năm 2015, ông Phạm Văn Đ2 đã nhiều lần mua thức ăn gia súc của gia đình anh D. Hai bên thỏa thuận mua bán bằng miệng nếu trường hợp ông Đ2 chưa trả tiền thì anh D ghi vào sổ. Hai bên nhiều lần giao hàng và trả tiền tính đến ngày 21/3/2016 ông Phạm Văn Đ2 còn nợ của anh Nguyễn Văn D số tiền là 37.220.000 đồng nhưng anh đòi nhiều lần ông Đ2 không trả nên anh D khởi kiện. Cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết và buộc ông Đ2 phải trả cho anh D số tiền 37.220.000đ nên ông Đ2 kháng cáo.

Xét kháng cáo của ông Đ2, nhận thấy quá trình giải quyết vụ án ông Đ2 cho rằng không ký vào sổ của anh D vào các ngày 12/11/2015; 27/11/2015; 22/01/2016; 04/02/2016 và ngày 21/3/2016, tài liệu anh D xuất trình cho Tòa án không phải là chữ ký của ông nhưng ông không đề nghị Tòa án đi giám định chữ ký. Ông Đ1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án giám định đối với chữ ký “Đ2” trên tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngày 01 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện T1 đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với chữ ký “Đ2” dưới các số “5.190.000”, “9.800.000”, “21.000.000”, “12.150.000” trên trang 1, dưới các chữ “ba mươi triệu đồng” và dưới số “320.000” trên trang 2 tài liệu có nội dung bắt đầu bằng các chữ “Bác Đ2 (H)”, Mẫu so sánh: Chữ ký Phạm Văn Đ2 trên bản tường trình, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/3/2017, biên bản giao thông báo về việc thụ lý vụ án, biên bản giao thông báo về phiên hòa giải, biên bản ghi lời khai ngày 17/2/2017. Tại Kết luận giám định số 267/C54-P5 ngày 24/7/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận: Các chữ ký cần giám định trên tài liệu mẫu A so với chữ ký đứng tên Phạm Văn Đ2 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký ra.

Do vậy việc ông Đ2 còn nợ anh D số tiền 37.220.000đ là có căn cứ, cấp sơ thẩm buộc ông Đ2 phải trả tiền cho anh D là có cơ sở. Kháng cáo của ông Đ2 không được chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn Đ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.861.000đ và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ; chi phí giám định là 5.000.000đ. Anh D không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp và chi phí giám định

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, 433, 435, 436, 440; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 161 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Đ2, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 33/2017/DSST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Buộc ông Phạm Văn Đ2 phải trả cho anh Nguyễn Văn D 37.220.000đ (Ba mươi bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đ2 không thanh toán số tiền trên thì ông Đ2 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về chi phí giám định: Ông Phạm Văn Đ2 phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo phiếu thu quyền số 04448 ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát để trả cho ông Nguyễn Văn Đ1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

4. Về án phí: Ông Phạm Văn Đ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.861.000đ (Một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng) và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0000788 ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông Đ2 còn phải nộp 1.861.000đ (Một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Trả lại cho anh Nguyễn Văn D 931.000đ (Chín trăm ba mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000492 ngày 02 tháng 3 năm 2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật sửa đổi một số điều Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thúy Mai